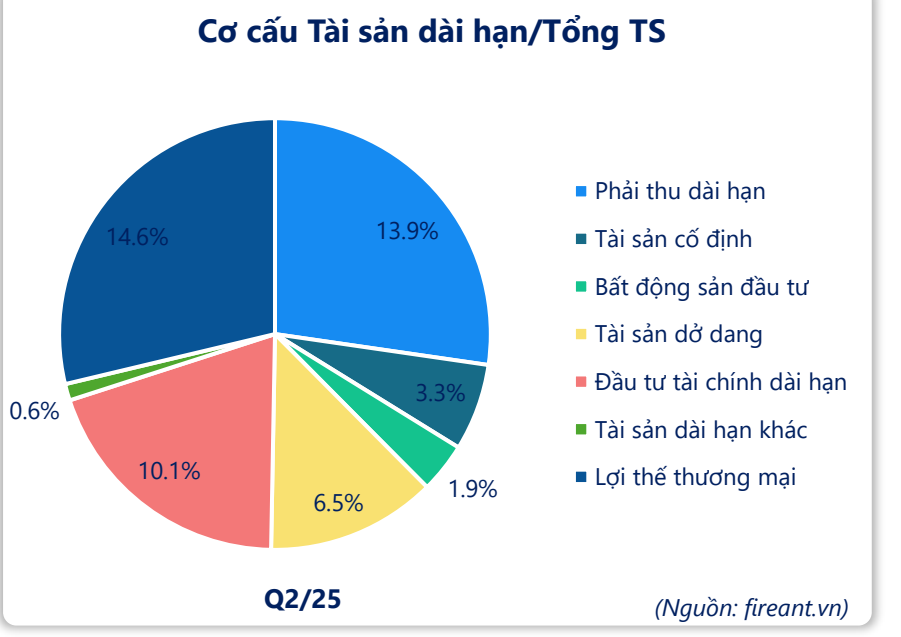
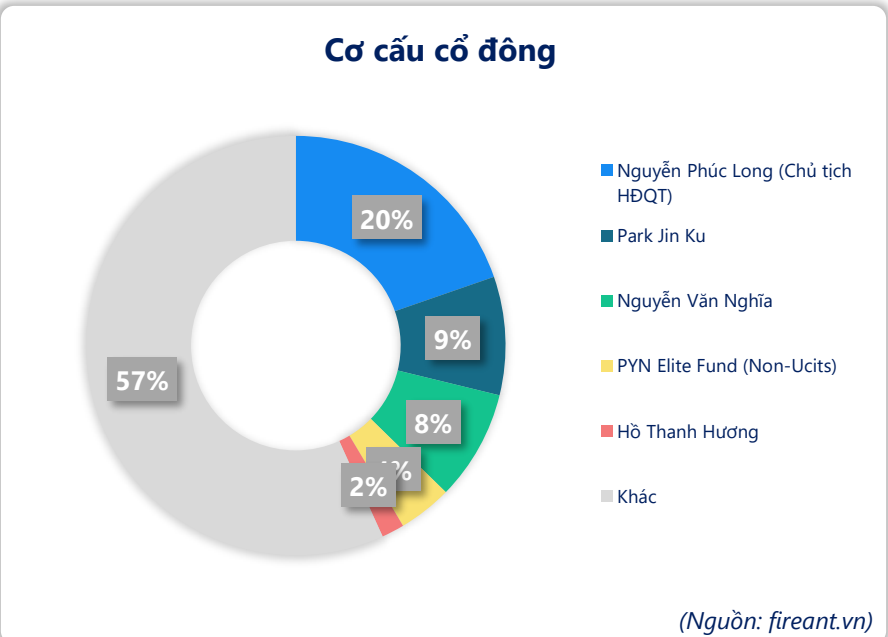
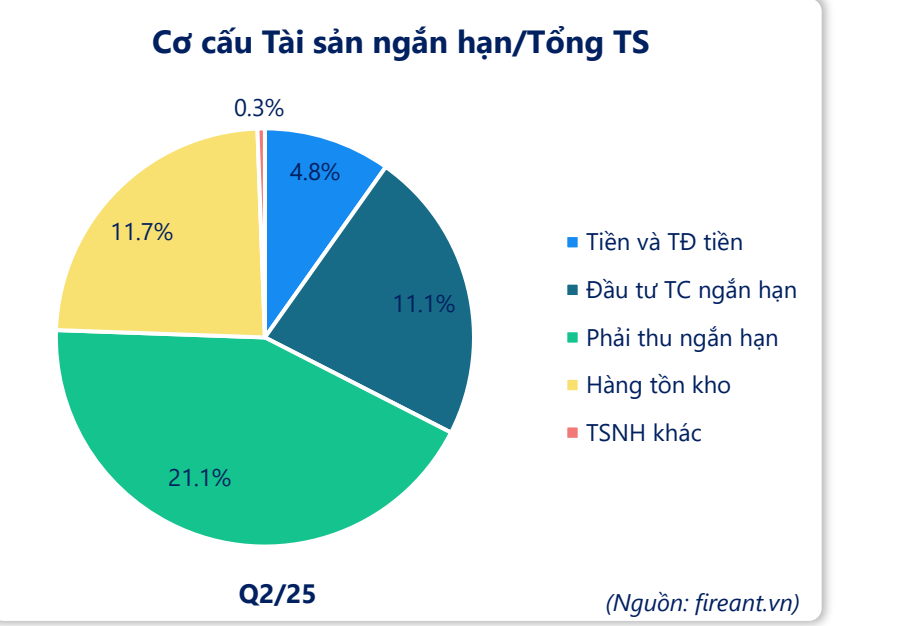
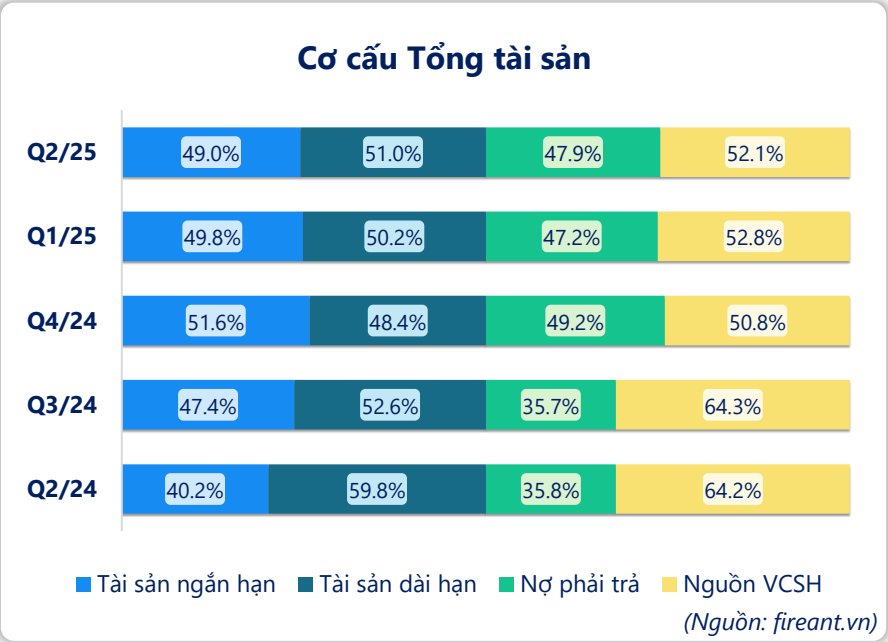
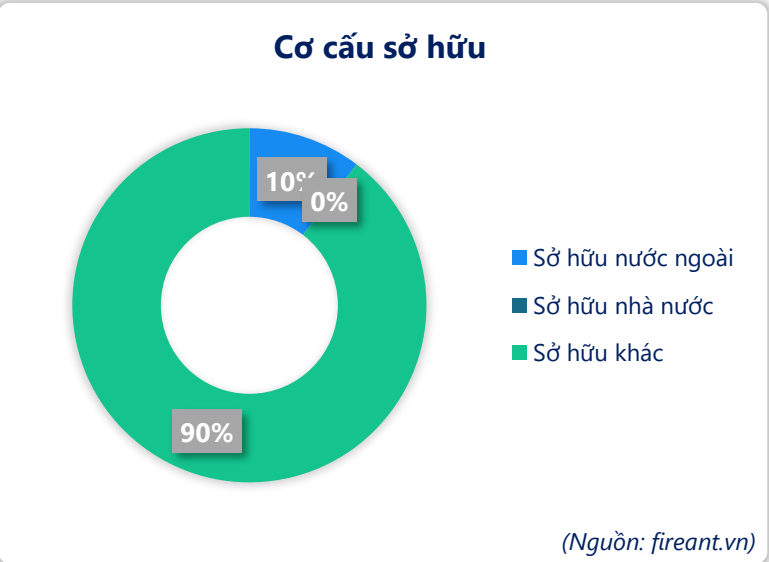
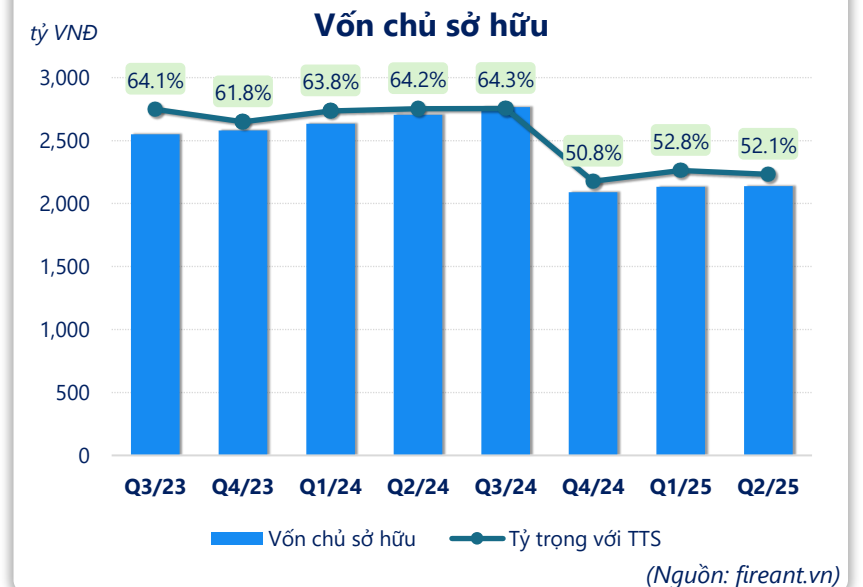
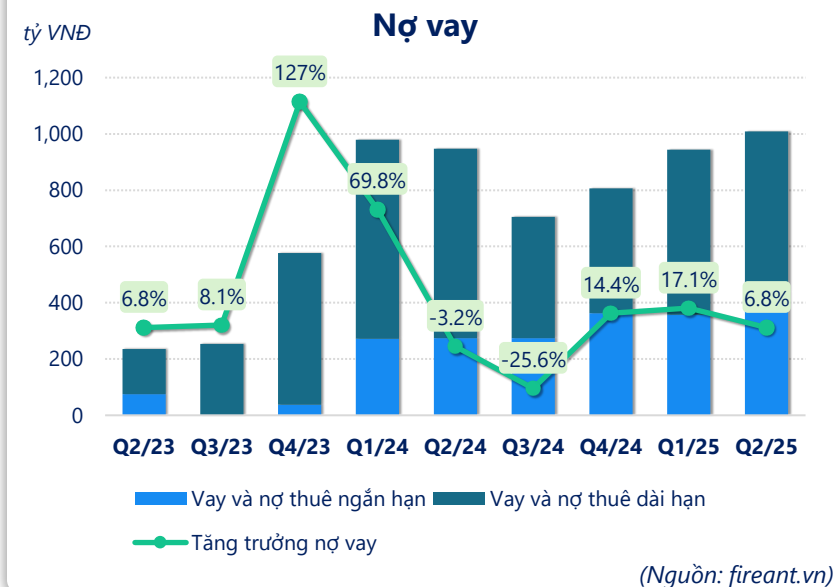
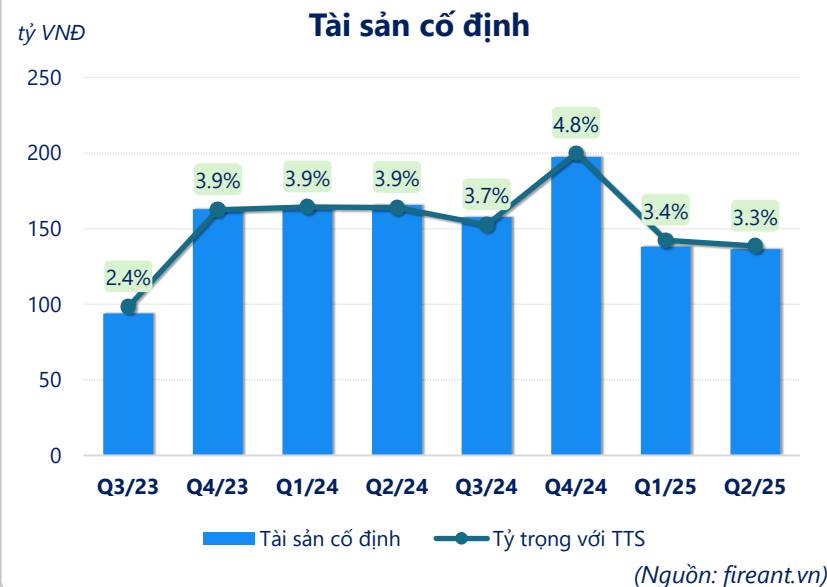
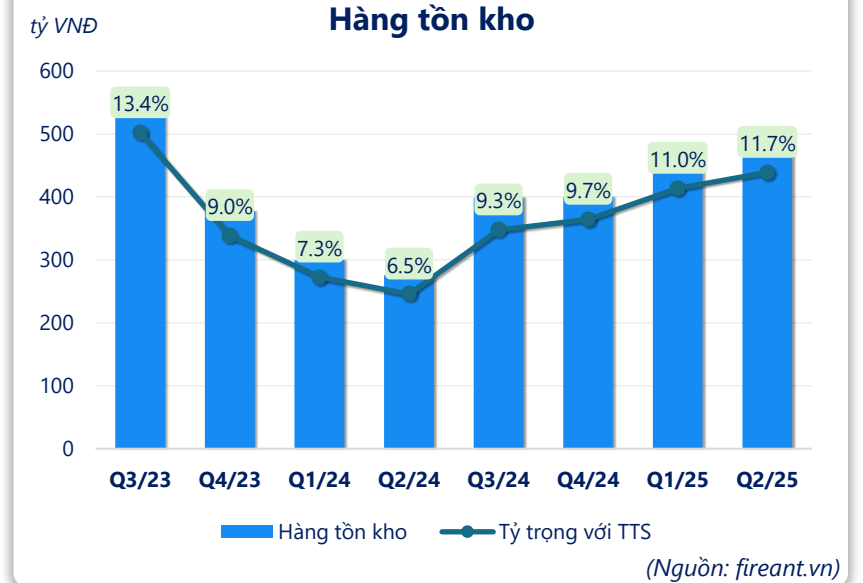
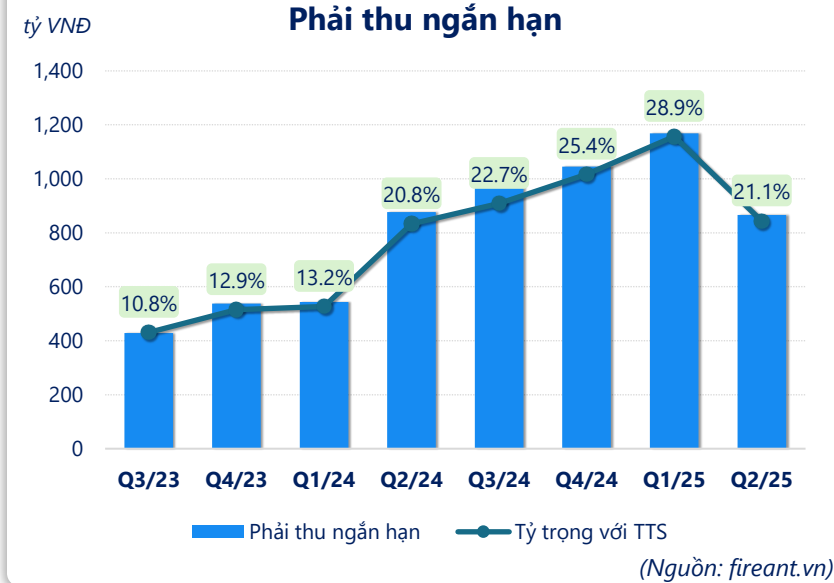
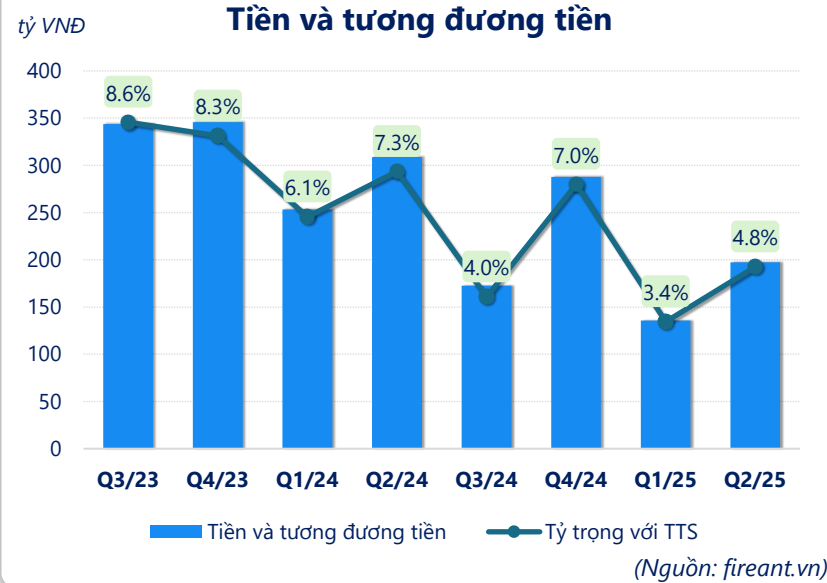
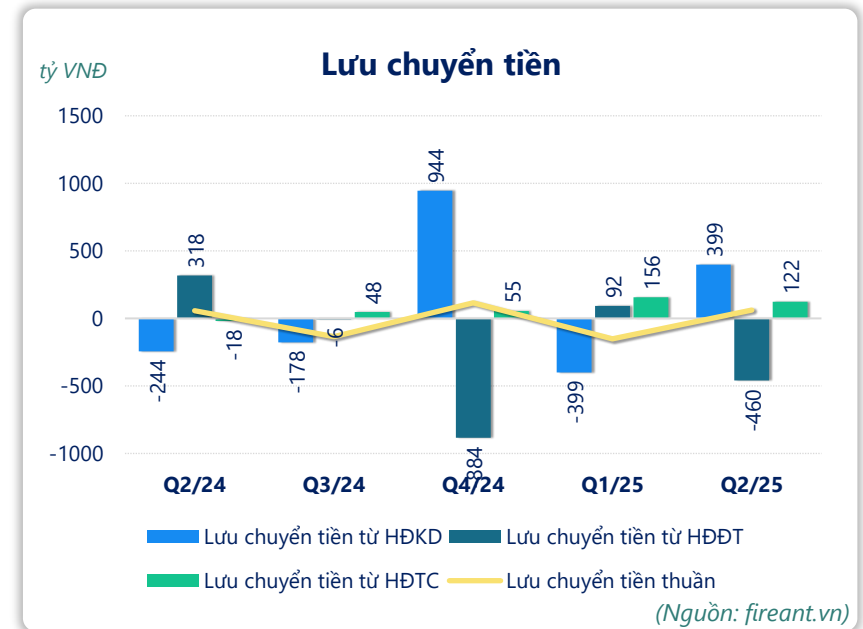
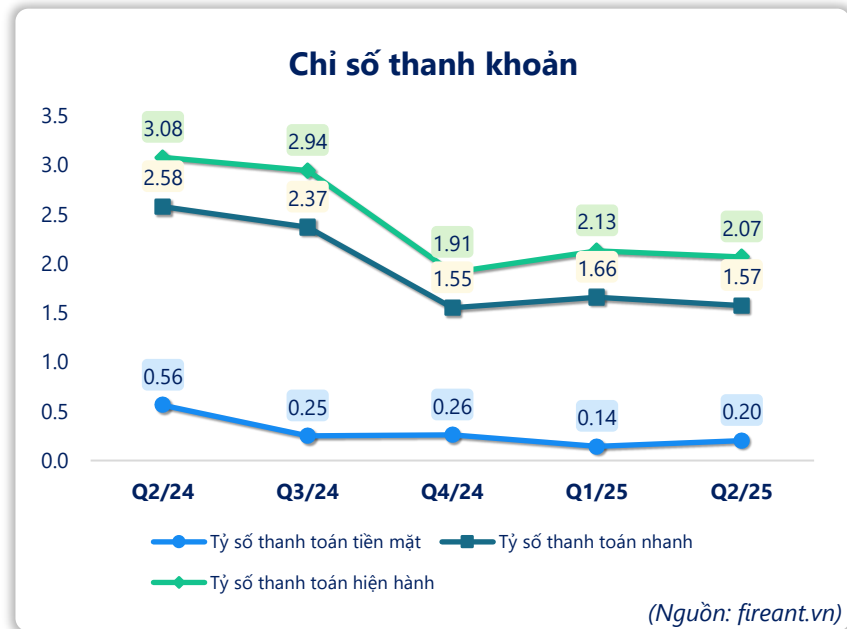
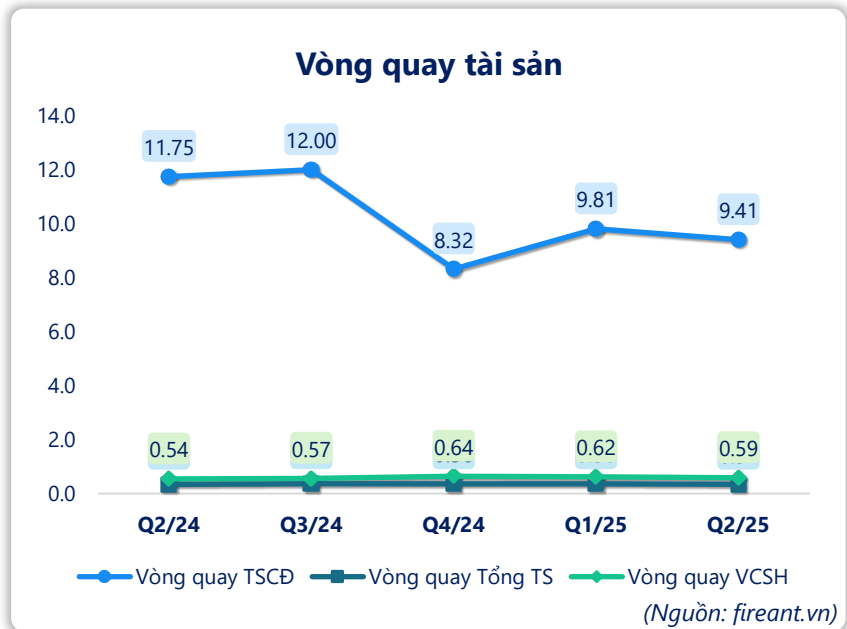
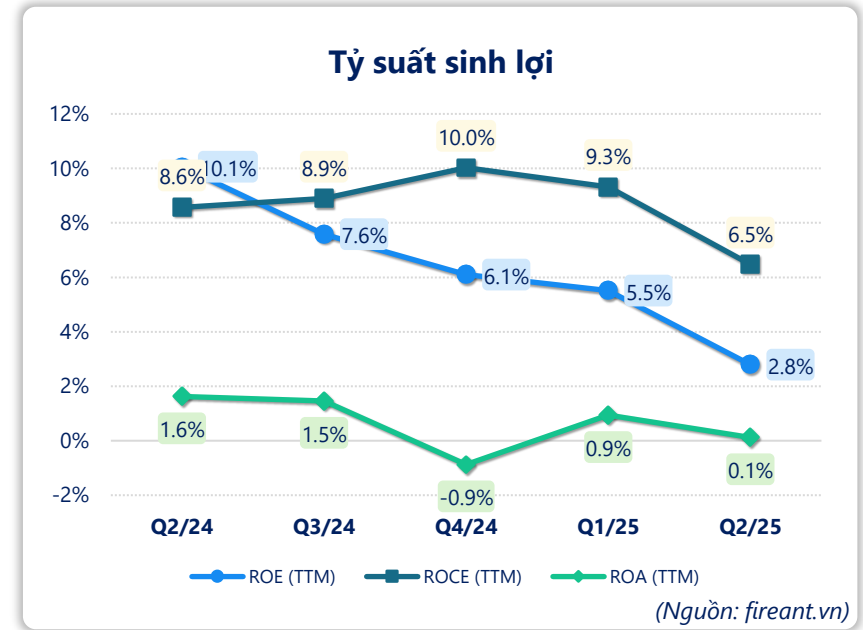
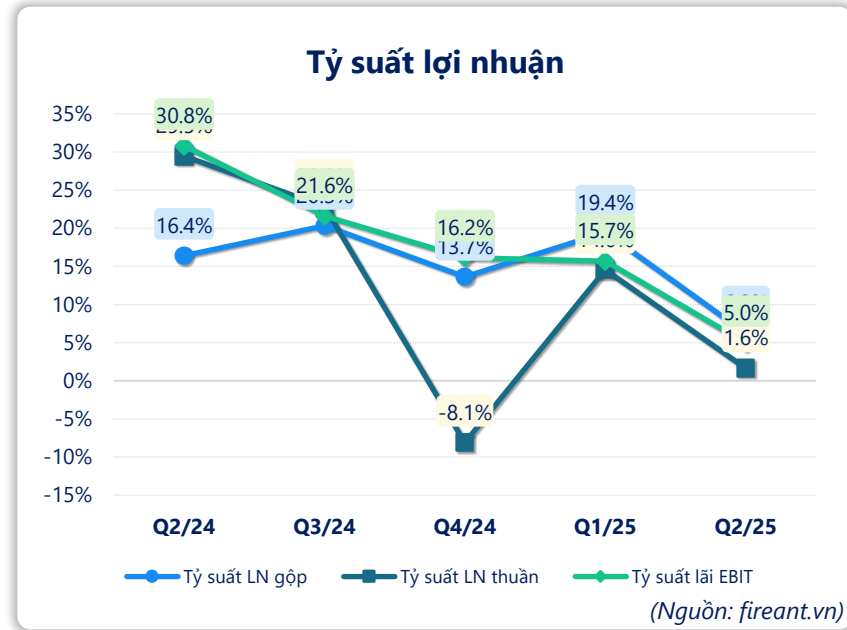
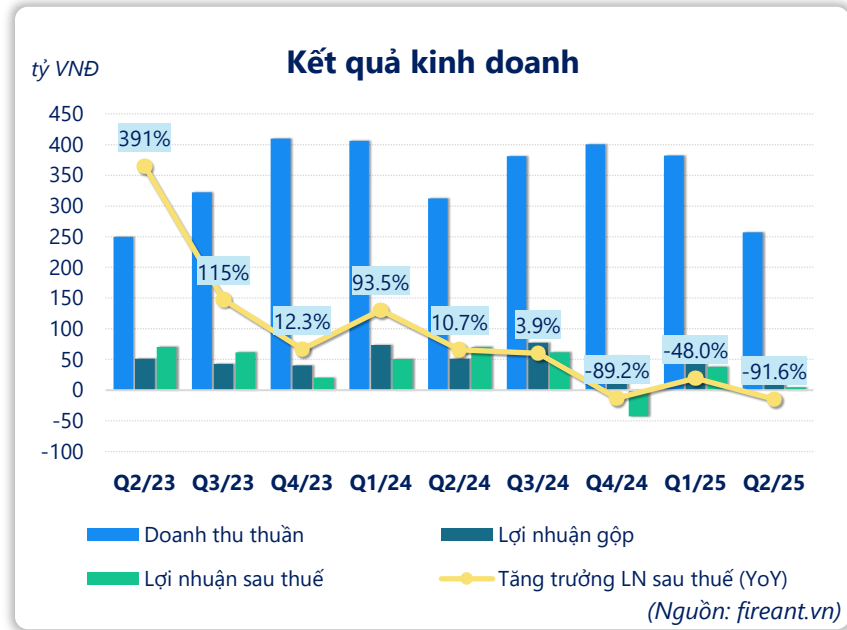


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,100
SL cổ phiếu LH		193,606,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,159,500
% sở hữu nước ngoài		10.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,375
P/E		20.3
EPS		349

	YTD	1T	3T	6T
TIG	-46.2%	-4.1%	-36.6%	-48.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,105	4,073	0.8%
Tài sản ngắn hạn	2,012	2,040	-1.3%
Tiền và tương đương tiền	197	287	-31.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	457	248	84.4%
Phải thu ngắn hạn	866	1,027	-15.7%
Hàng tồn kho	480	467	2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	11.6	10.4	11.5%
Tài sản dài hạn	2,093	2,034	2.9%
Phải thu dài hạn	571	477	19.7%
Tài sản cố định	136	141	-3.3%
Bất động sản đầu tư	78.3	78.3	0.0%
Tài sản dở dang	266	273	-2.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	413	413	0.0%
Tài sản dài hạn khác	26.0	28.7	-9.3%
Lợi thế thương mại	601	623	-3.4%
Nợ phải trả	1,967	1,979	-0.6%
Nợ ngắn hạn	974	1,111	-12.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	439	364	20.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	170	102	67.5%
Nợ dài hạn	993	868	14.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	569	434	31.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,138	2,095	2.1%
Vốn chủ sở hữu	2,138	2,095	2.1%
Vốn điều lệ	1,936	1,936	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	312	381	400	382	257
Giá vốn hàng bán	261	304	346	308	241
Lợi nhuận gộp	51.2	77.5	54.6	74.3	16.0
Doanh thu HĐTC	57.1	22.6	29.5	11.4	24.5
Chi phí TC	7.06	4.02	105	6.18	6.88
Chi phí lãi vay	7.06	4.02	105	6.18	6.69
LN trong công ty LKLD	0.08	-0.08	0	0	0.00
Chi phí bán hàng	2.36	2.01	0.09	0.15	0.24
Chi phí QLDN	6.97	6.94	11.2	23.7	29.2
LN thuần từ HĐKD	92.0	87.0	-32.4	55.7	4.20
Lợi nhuận khác	-2.86	-8.67	-8.15	-1.95	1.91
LN trước thuế	89.1	78.3	-40.6	53.8	6.12
Lợi nhuận sau thuế	70.7	61.4	-42.6	38.2	4.58
LNST của CĐ cty mẹ	68.9	60.5	-36.2	38.3	5.12

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-244	-178	944	-399	399
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	318	-6.02	-884	92.1	-460
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.5	48.4	54.7	156	122
Tiền đầu kỳ	253	309	173	287	136
Lưu chuyển tiền thuần	55.7	-136	115	-151	61.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.58
Tiền cuối kỳ	309	173	288	136	197

(Nguồn: fireant.vn)